

Thứ hai, ngày 15 tháng 11 năm 2021

Vietnam Daily Review

Phiên tăng nhẹ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 16/11/2021		•	
Tuần 15/11-19/11/2021		•	
Tháng 11/2021			•

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Hôm nay thị trường trải qua một phiên tăng điểm nhẹ. Sau nhịp bật tăng không thành công đầu phiên sáng, VN-Index giằng co trong trong khoảng 1473-1480 điểm. Sang đến phiên chiều, sau nhịp giảm mạnh, VN-Index quay lại đóng cửa tăng hơn 3 điểm so với phiên trước. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 12/19 ngành tăng điểm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX và bán ròng trên HNX. Dòng tiền vẫn ủng hộ đà tăng của thị trường, trong ngắn hạn VN-Index có thể tiếp tục giữ xu hướng tích cực.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều có mức biến động nhẹ theo đà giằng co của chỉ số VN30. Các nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng trong những phiên cuối của HĐLT VN30F2111.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 15/11/2021, các chứng quyền phân hóa khi thị trường cơ sở giằng co. Giá trị giao dịch tăng mạnh.

Phân tích kỹ thuật: MWG_Tăng giá (Trang 2)

Điểm nhấn

- VN-Index +3.20 điểm, đóng cửa 1,476.57 điểm. HNX-Index +2.65 điểm, đóng cửa 444.28 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: VHM (+2.29), MSN (+1.37), MWG (+0.64), GEX (+0.60), POW (+0.58).
- Kéo chỉ số giảm: HPG (-1.13), GVR (-0.90), NVL (-0.89), VPB (-0.67), VCB (-0.48).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 32,738 tỷ đồng, tăng 33% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 34,046 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 17 điểm. Thị trường có 261 mã tăng, 40 mã tham chiếu và 202 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: 103.33 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm VHM (184.11 tỷ), FUEVFN (156.77 tỷ), MSN (89.44 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -77.16 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

VN-INDEX **1476.57**
Giá trị: 32737.5 tỷ **3.2 (0.22%)**
Khối ngoại (ròng): 103.33 tỷ

HNX-INDEX **444.28**
Giá trị: 5082.58 tỷ **2.65 (0.6%)**
Khối ngoại (ròng): -77.16 tỷ

UPCOM-INDEX **111.74**
Giá trị: 3349.17 tỷ **1.08 (0.98%)**
Khối ngoại(ròng): 27.31 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	80.1	-0.83%
Giá vàng	1,860	-0.26%
Tỷ giá USD/VND	22,650	0.02%
Tỷ giá EUR/VND	25,909	-0.07%
Tỷ giá JPY/VND	19,871	0.09%
LS liên NH 1 tháng	1.1%	12.54%
LS TPCP 5 năm	0.8%	-11.76%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VHM	184.1	SSI	-325.7
FUEVFN	156.8	NLG	-71.2
MSN	89.4	GEX	-71.1
DGW	66.0	VNM	-57.7
HDB	52.1	VND	-45.2
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tin hiệu cổ phiếu	Trang 2
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Phân tích kỹ thuật MWG_Tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD cắt lên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng mua quá, xu hướng tăng.

Nhận định: MWG đang hình thành xu hướng tăng giá khá tích cực sau khi tích lũy ngắn hạn quanh ngưỡng 130.0. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt lên ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo RSI cho thấy tín hiệu điều chỉnh nhẹ khi ở vùng quá mua trong khi chỉ báo MACD đang ủng hộ xu hướng tăng giá. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên đường MA20 và MA50, ủng hộ xu hướng tăng giá. Nhà đầu tư có thể mở vị thế tại ngưỡng 139.0, chốt lãi tại ngưỡng 154.5 và cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 132.0.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

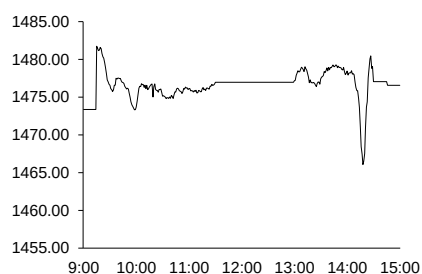
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Ô tô và phụ tùng	4.12%
Dịch vụ tài chính	3.35%
Bán lẻ	1.91%
Xây dựng và Vật liệu	1.78%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.28%
Y tế	0.75%
Bất động sản	0.55%
Truyền thông	0.22%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.17%
Thực phẩm và đồ uống	0.16%
Bảo hiểm	0.10%
Dầu khí	0.07%
Viễn thông	0.00%
Ngân hàng	-0.08%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.31%
Công nghệ Thông tin	-0.52%
Hóa chất	-0.87%
Du lịch và Giải trí	-1.24%
Tài nguyên Cơ bản	-1.31%

Hình 1

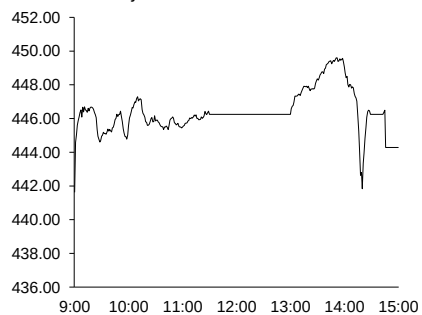
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

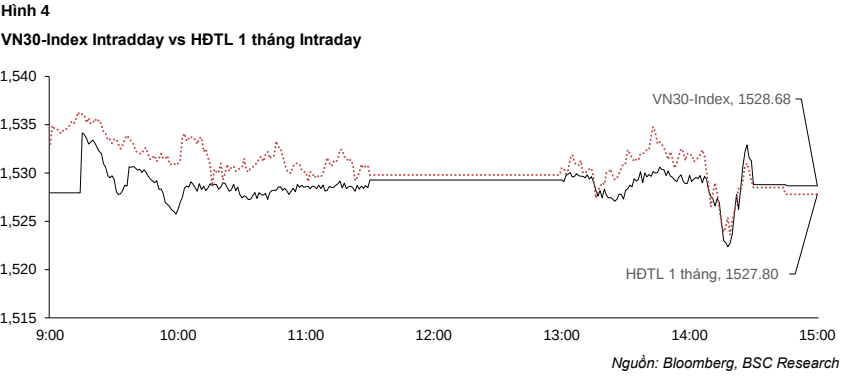
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
11/14/2021	TIP	52.2	60.5	50.8	53.8	1	3.07%	Có thể tiếp tục mua
11/11/2021	VCG	44.25	49.5	42	45.8	4	3.50%	Có thể tiếp tục mua
11/10/2021	HT1	25.5	29.3	23	27.3	5	7.06%	Có thể tiếp tục mua
11/8/2021	HAX	25.65	31.5	24.5	26	7	1.36%	Có thể tiếp tục mua
11/5/2021	NTC	179.7	200	170	196	10	9.07%	Cân nhắc không mua thêm (**)
11/4/2021	ANV	36.55	42.25	34.3	37.1	11	1.50%	Có thể tiếp tục mua
11/3/2021	KDC	59.8	66.5	54.5	58.8	12	-1.67%	Có thể tiếp tục mua
11/2/2021	SJS	69.4	77.5	64.5	68.1	13	-1.87%	Có thể tiếp tục mua
11/1/2021	SSI	41.4	47.4	40	45.8	14	10.63%	Có thể tiếp tục mua
10/29/2021	CSV	51.1	63	48	53.6	17	4.89%	Có thể tiếp tục mua
10/28/2021	PHC	16.5	19.5	14.5	18	18	9.09%	Có thể tiếp tục mua
10/25/2021	BVH	64.5	72.5	60	62.7	21	-2.79%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/4/2021	GVR	37.1	44.5	36	40.5	42	9.16%	Có thể tiếp tục mua
9/28/2021	HPG	52.6	61.2	50.2	53.6	48	1.90%	Cân nhắc đóng vị thế (*)
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
11/9/2021	CTI	19.3	22.3	17.5	TP	6	15.54%
10/27/2021	FRT	51.1	58.3	48	TP	15	14.09%
10/26/2021	DBC	60.9	69.4	58.5	TP	16	13.96%
10/22/2021	C4G	12.5	15	11.3	TP	17	20.00%
10/20/2021	PHR	56.2	68.3	52.2	TP	16	21.53%
10/19/2021	MBG	11.5	14.3	10.5	TP	9	24.35%
10/18/2021	SD9	10.3	13.3	9	TP	4	29.13%
10/15/2021	TDT	14.6	17.3	13.5	TP	12	18.49%
10/14/2021	HVH	10.2	12.1	9.8	TP	27	18.63%
10/13/2021	VNP	22.5	25.6	21.5	TP	14	13.78%
10/12/2021	NSH	18.7	20.8	17.5	SL	10	-6.42%
10/11/2021	VHM	81	88	79.5	SL	3	-1.85%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	11	3	5.57%	-2.11%	3.92%	16
Cổ phiếu đã chốt	214	130	14.38%	-7.81%	5.99%	25

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2111	1527.80	-0.19%	-0.88	-23.0%	114,909	11/18/2021	5
VN30F2112	1526.00	-0.03%	-2.68	227.2%	1,718	12/16/2021	33
VN30F2203	1524.60	0.04%	-4.08	-1.9%	101	3/17/2022	124
VN30F2206	1516.70	-0.35%	-11.98	48.0%	151	6/16/2022	215

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng +0.74 điểm lên 1528.68 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như MWG, MSN, HDB, VHM, SSI tác động tích cực đến vận động của VN30. Chỉ số vẫn đang trong giai đoạn kiểm tra lại ngưỡng 1530 điểm trong các phiên giao dịch tới.

- Các HĐTL đều có mức biến động nhẹ theo đà giảm co của chỉ số VN30. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ HĐTL VN30F2111 giảm và VN30F2203 gần như không đổi, các HĐTL khác đều tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ HĐTL VN30F2111 giảm, các HĐTL khác đều tăng. Khối lượng hợp đồng mở kỳ hạn tháng 11 suy giảm và chuyển sang các HĐTL khác khi hợp đồng này sắp đáo hạn . Các nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng trong những phiên cuối của HĐLT VN30F2111.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CPNJ2107	2/10/2022	87	5:1	34,100	28.39%	2,500	1,690	18.18%	1,428	1.18	146,900	110,000	110,800
CPNJ2106	3/14/2022	119	5:1	37,800	28.39%	2,600	3,350	15.52%	3,227	1.04	113,800	98,000	110,800
CMWG2107	1/6/2022	52	5:1	1,175,300	31.78%	6,600	9,350	11.31%	148	63.01	187,000	165,000	139,400
CPNJ2105	1/6/2022	52	5:1	414,500	28.39%	3,300	3,530	10.66%	3,352	1.05	129,000	9,500	110,800
CMWG2108	3/14/2022	119	5:1	17,600	31.78%	3,500	3,850	7.24%	3,817	1.01	149,000	126,000	139,400
CHDB2103	4/27/2022	163	8:1	551,100	33.09%	1,000	760	7.04%	351	2.16	55,608	28,888	28,850
CMSN2105	1/6/2022	52	5:1	313,100	37.95%	5,000	5,160	4.24%	5,541	0.93	135,150	128,000	154,000
CKDH2105	12/27/2021	42	4:1	63,400	30.10%	2,150	3,070	-0.32%	2,977	1.03	42,120	37,600	49,300
CTCB2107	12/27/2021	42	7:1	58,900	34.12%	1,850	1,650	-0.60%	773	2.13	64,790	47,500	52,000
CFPT2105	1/6/2022	52	4.95:1	505,700	25.98%	3,500	3,160	-0.63%	2,642	1.20	100,935	86,000	97,300
CVIC2104	1/7/2022	53	10:1	94,000	27.33%	2,000	550	-1.79%	2	238.10	140,600	124,000	95,000
CHPG2114	4/27/2022	163	10:1	834,100	33.57%	1,200	1,050	-1.87%	394	2.66	79,789	56,789	53,600
CKDH2106	2/10/2022	87	1:1	34,900	30.10%	2,500	4,290	-2.28%	3,309	1.30	50,980	49,000	49,300
CTCB2106	1/19/2022	65	5:1	299,900	34.12%	2,000	1,120	-2.61%	391	2.87	60,350	55,000	52,000
CVNM2110	1/10/2022	56	9.83:1	41,200	20.67%	1,400	920	-3.16%	264	3.48	116,291	90,241	89,000
CTCB2110	2/4/2022	81	7:1	128,200	34.12%	1,500	1,160	-3.33%	407	2.85	64,150	54,000	52,000
CSTB2106	12/2/2021	17	10:1	878,400	40.26%	1,500	140	-6.67%	0	636.36	105,678	35,678	27,950
CVIC2105	1/6/2022	52	4.44:1	503,300	27.33%	3,250	830	-6.74%	1,135	0.73	109,242	120,000	95,000
CVNM2107	1/7/2022	53	10:1	132,000	20.67%	1,500	650	-8.45%	47	13.87	124,900	98,000	89,000
CVRE2107	12/2/2021	17	10:1	793,600	33.30%	1,200	180	-14.29%	11	16.62	41,679	33,179	30,200
Tổng				6,877,000	30.54%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
				**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 15/11/2021, các chứng quyền phân hóa khi thị trường cơ sở giảm co.

- CTCB2109 và CTCB2108 tăng trưởng tốt nhất, lần lượt là 18.18% và 15.52%. Giá trị giao dịch tăng mạnh 34.23%. CPNJ2107 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 17.6% thị trường.

- CMWG2109, CMSN2107, CHPG2110, CMWG2109 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CSTB2106, CVRE2111, CPNJ2107, CHDB2103 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2109, CMWG2109, CMSN2105 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	139.4	2.5%	0.9	4,321	15.8	6,130	22.7	5.3	49.0%	25.2%
PNJ	Bán lẻ	110.8	0.8%	1.0	1,095	4.3	4,214	26.3	4.5	48.3%	18.3%
BVH	Bảo hiểm	62.7	-0.2%	1.4	2,024	3.2	2,473	25.4	2.2	26.5%	8.9%
PVI	Bảo hiểm	49.1	-0.8%	0.5	500	1.1	4,211	11.7	1.6	56.3%	13.7%
VIC	Bất động sản	95.0	0.5%	0.7	15,717	7.9	1,248	76.1	3.6	13.6%	5.1%
VRE	Bất động sản	30.2	0.3%	1.1	2,984	10.3	954	31.7	2.3	29.4%	7.4%
VHM	Bất động sản	84.0	2.4%	1.0	15,903	35.1	8,287	10.1	4.2	22.9%	40.3%
DXG	Bất động sản	27.0	0.0%	1.3	700	17.4	1,299		1.9	29.3%	10.3%
SSI	Chứng khoán	45.8	2.7%	1.5	1,956	56.9	2,172	21.1	3.3	41.3%	19.4%
VCI	Chứng khoán	72.7	1.0%	1.0	1,053	13.5	4,165	17.5	3.8	20.5%	26.7%
HCM	Chứng khoán	45.6	3.1%	1.6	907	11.1	2,651	17.2	3.6	46.8%	22.1%
FPT	Công nghệ	97.3	-0.7%	0.9	3,839	8.1	4,443	21.9	5.2	49.0%	25.1%
FOX	Công nghệ	79.2	-0.3%	0.4	1,131	0.1	4,304	18.4	5.5	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	118.9	0.7%	1.3	9,894	10.9	4,283	27.8	4.6	2.7%	17.6%
PLX	Dầu khí	60.1	0.2%	1.5	3,320	8.2	2,650	22.7	3.1	17.3%	14.2%
PVS	Dầu khí	29.2	-1.7%	1.7	607	23.2	1,186	24.6	1.1	7.6%	4.6%
BSR	Dầu khí	24.1	-2.4%	0.8	3,249	21.7	(909)		2.4	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	103.2	1.6%	0.4	587	0.3	6,020	17.1	3.7	54.4%	22.6%
DPM	Hóa chất	52.6	0.0%	0.8	895	15.5	4,018	13.1	2.3	9.8%	18.6%
DCM	Hóa chất	38.8	1.8%	0.7	893	12.7	1,701	22.8	3.1	4.7%	13.7%
VCB	Ngân hàng	97.7	-0.5%	1.1	15,755	3.3	5,697	17.1	3.3	23.6%	20.8%
BID	Ngân hàng	42.8	-0.9%	1.3	7,484	2.8	2,449	17.5	2.1	16.6%	12.2%
CTG	Ngân hàng	32.5	-0.6%	1.3	6,791	13.6	3,449	9.4	1.6	24.7%	18.6%
VPB	Ngân hàng	36.2	-1.6%	1.2	6,987	15.9	2,781	13.0	2.6	15.2%	21.9%
MBB	Ngân hàng	28.6	0.2%	1.2	4,698	15.8	2,940	9.7	1.9	23.2%	21.7%
ACB	Ngân hàng	33.4	0.1%	1.0	3,924	7.1	3,599	9.3	2.1	30.0%	25.8%
BMP	Nhựa	59.1	-4.4%	0.7	210	0.3	2,574	23.0	2.1	84.3%	9.1%
NTP	Nhựa	61.0	3.4%	0.5	312	1.3	3,574	17.1	2.6	18.6%	15.4%
MSR	Tài nguyên	30.7	4.8%	0.7	1,467	1.9	39	787.2	2.4	10.1%	0.3%
HPG	Thép	53.6	-1.8%	1.1	10,424	71.7	7,087	7.6	2.8	25.1%	45.6%
HSG	Thép	43.7	-2.2%	1.4	938	14.0	8,806	5.0	2.0	10.5%	49.6%
VNM	Tiêu dùng	89.0	-0.3%	0.6	8,087	12.7	4,511	19.7	6.0	54.7%	31.2%
SAB	Tiêu dùng	170.0	-1.2%	0.8	4,740	0.2	5,883	28.9	5.1	62.7%	18.7%
MSN	Tiêu dùng	154.0	2.9%	0.9	7,904	12.0	2,031	75.8	8.4	32.1%	11.4%
SBT	Tiêu dùng	26.1	0.4%	1.2	714	10.7	1,066	24.5	2.0	7.6%	8.3%
ACV	Vận tải	85.5	-1.0%	0.8	8,093	0.1	577	148.2	5.0	3.7%	3.4%
VJC	Vận tải	127.0	-1.2%	1.1	2,991	4.5	279		4.1	17.0%	0.9%
HVN	Vận tải	24.6	-1.8%	1.7	2,373	1.4	(7,153)		N/A	N/A	9.1%
GMD	Vận tải	52.9	0.4%	1.0	693	8.8	1,443	36.7	2.7	40.0%	7.4%
PVT	Vận tải	26.1	2.0%	1.4	367	6.4	2,443	10.7	1.7	13.9%	16.4%
VCS	Vật liệu xây dựng	123.4	-0.2%	0.9	858	0.9	10,231	12.1	4.2	3.6%	42.0%
VGC	Vật liệu xây dựng	51.0	6.9%	0.5	994	5.6	2,122	24.0	3.5	4.0%	14.7%
HT1	Vật liệu xây dựng	27.3	0.4%	0.9	453	6.4	1,212	22.5	1.9	3.1%	8.2%
CTD	Xây dựng	72.6	-1.5%	1.0	233	1.4	727	99.8	0.6	44.9%	0.7%
CII	Xây dựng	30.6	3.4%	0.6	318	16.8	12	2584.1	1.5	20.6%	0.1%
REE	Điện	72.1	-1.2%	-1.4	969	3.3	5,541	13.0	1.8	49.0%	14.7%
PC1	Điện	38.2	2.3%	-0.4	381	4.5	2,804	13.6	1.9	6.2%	16.5%
POW	Điện	13.9	6.9%	0.6	1,410	26.3	1,240	11.2	1.1	3.0%	10.0%
NT2	Điện	24.2	0.8%	0.5	303	2.2	2,063	11.7	1.7	14.7%	14.5%
KBC	Khu công nghiệp	53.8	0.4%	1.2	1,333	29.2	1,706	31.5	2.0	15.2%	7.2%
BCM	Khu công nghiệp	55.2	1%	1.0	2,484	1.5			3.7	1.9%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	84.00	2.44	2.27	9.67MLN
MSN	154.00	2.94	1.35	1.82MLN
MWG	139.40	2.50	0.63	2.63MLN
GEX	43.30	6.91	0.57	21.82MLN
POW	13.85	6.95	0.55	44.89MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
HPG	0.00	-1.16	30.65MLN	1.11MLN
GVR	0.00	-0.94	6.69MLN	607060
NVL	0.00	-0.92	2.38MLN	373600
VPB	0.00	-0.69	10.09MLN	192700
VCB	0.00	-0.48	766700	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NBB	42.80	7.00	0.07	2.85MLN
FTM	6.27	7.00	0.01	1.77MLN
QCG	10.25	6.99	0.05	2.83MLN
CSM	19.90	6.99	0.04	432900
NAV	29.85	6.99	0.00	7600

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HDC	107.00	-6.96	-0.18	922400
PTL	8.83	-6.95	-0.02	772600
NHT	40.95	-6.93	-0.01	70000.00
HTL	24.40	-6.87	-0.01	3700
VHC	64.00	-5.04	-0.16	2.90MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHS	47.90	7.64	1.82	8.78MLN
IDJ	74.80	10.00	0.66	1.93MLN
CEO	21.80	9.55	0.52	3.04MLN
HUT	15.30	7.75	0.49	4.67MLN
APS	47.90	9.86	0.47	4.54MLN

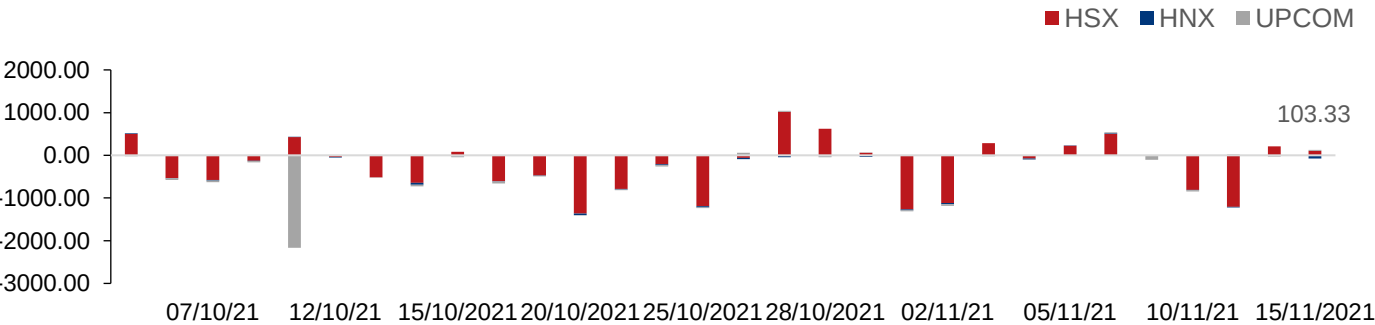
Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
THD	227.00	-3.20	-3.45	480900
IDC	82.00	-7.87	-2.76	4.59MLN
PVS	29.20	-1.68	-0.21	18.31MLN
DTD	51.30	-5.00	-0.09	866500
PGS	29.50	-4.53	-0.08	346000

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BSC	17.60	10.0	0.00	100
C92	8.80	10.0	0.00	109300
IDJ	74.80	10.0	0.66	1.93MLN
KSQ	9.90	10.0	0.03	2.04MLN
LUT	8.80	10.0	0.01	143300.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
QST	12.90	-9.79	-0.01	100
VE3	15.70	-9.77	0.00	40600
DZM	10.30	-9.65	-0.01	511000
V12	21.60	-9.62	-0.01	28900
LCD	18.90	-9.57	0.00	700

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	AGG	Bất động sản	Mua	19/05/21	62.1	N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	Click
2	ANV	Thủy sản	Mua	27/06/21	32.4	38.7	37.1	1,267	29.3	2.0	Click
3	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	24.1	-909	#N/A N/A	2.4	Click
4	C4G	Xây dựng	Mua	15/12/20	10.2	12.9	19.7	566	34.8	1.9	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	N/A	21.8	-511	#N/A N/A	2.0	Click
6	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	53.6	3,855	13.9	2.2	Click
7	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	68.1	8,518	8.0	1.6	Click
8	DCM	Bán lẻ	Mua	1/4/21	17.5	21.1	38.8	1,701	22.8	3.1	Click
9	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	155.0	7,258	21.4	5.4	Click
10	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/21	92.1	110.3	119.5	4,942	24.2	7.3	Click
11	DPG	Bất động sản	KQ	10/6/21	39.3	N/A	85.8	5,988	14.3	4.3	Click
12	DPM	Bán lẻ	Mua	11/3/21	19.1	23.0	52.6	4,018	13.1	2.3	Click
13	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	36.8	2,633	14.0	2.5	Click
14	DXG	Bất động sản	Mua	10/5/21	23.4	30.2	27.0	1,299	20.8	1.9	Click
15	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	25.7	839	30.6	1.6	Click
16	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	97.3	4,443	21.9	5.2	Click
17	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	118.9	4,283	27.8	4.6	Click
18	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	53.6	7,087	7.6	2.8	Click
19	HSG	VLXD	Theo dõi	14/5/21	37.4	47.8	43.7	8,806	5.0	2.0	Click
20	HUT	XD-BDS	Theo dõi	20/5/21	6.5	7.6	15.3	-1,113	#N/A N/A	1.4	Click
21	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	23.4	1,251	18.7	1.6	Click
22	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	49.3	1,856	26.6	3.2	Click
23	LHG	BDS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	51.8	6,706	7.7	1.8	Click
24	LTG	Nông nghiệp	Mua	23/3/21	35.8	41.8	43.2	3,858	11.2	1.2	Click
25	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	94.0	8,024	11.7	3.1	Click
26	MWG	Bán lẻ	Mua	10/9/21	118.9	140.4	139.4	6,130	22.7	5.3	Click
27	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	48.4	9,467	5.1	2.0	Click
28	NLG	Bất động sản	KQ	5/8/21	43.8	46.4	66.5	4,788	13.9	2.6	Click
29	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	24.2	2,063	11.7	1.7	Click
30	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	38.2	2,804	13.6	1.9	Click
31	PET	Bán lẻ	Mua	2/3/21	17.7	21.2	32.0	2,201	14.5	1.7	Click
32	PNJ	Bán lẻ	Mua	2/3/21	84.7	100.4	110.8	4,214	26.3	4.5	Click
33	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	13.9	1,240	11.2	1.1	Click
34	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	31.1	0	345.6	1.0	Click
35	REE	Điện	Mua	19/3/21	56.2	68.5	72.1	5,541	13.0	1.8	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	26.1	1066.2	24.5	2.0	Click
37	SCS	Hàng không	Theo dõi	4/1/21	128.5	155.0	146.0	10,526	13.9	7.1	Click
38	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	39.3	1,064	36.9	4.0	Click
39	SMC	Bán lẻ	Mua	13/5/21	39.6	48.6	48.8	16,115	3.0	1.3	Click
40	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	28.4	570	49.8	2.3	Click
41	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	64.0	4,475	14.3	2.0	Click
42	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	89.0	4,511	19.7	6.0	Click
43	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	36.2	2,781	13.0	2.6	Click
44	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	30.2	954	31.7	2.3	Click
45	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	44.4	3306.9	13.4	2.1	Click
46	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	30.0	1,559	19.2	1.9	Click
47	VTP	BCVT	Mua	28/4/21	80.5	87.1	79.3	3,256	24.4	6.8	Click



Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
2	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
3	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
4	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
5	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
6	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
8	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
9	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
10	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
12	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
14	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
15	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
16	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
17	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
18	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
19	Banking Sector Outlook		x	Click
20	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
21	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
22	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
23	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
24	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
25	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
26	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
27	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
28	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
29	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
30	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
31	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
32	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
33	Fishery Outlook 2021		x	Click
34	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
35	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
36	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
37	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
38	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
39	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
40	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639